SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA AOSC VLAT 1.1208 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 441 / 2026

Mã số mẫu: N.26.368

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Bể thành phẩm Trạm xử lý (Nhà máy nước Đạ Tẻh - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,85
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	< LOQ LOQ = 3,33
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,87

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,20
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,71

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 452 / 2026

Mã số mẫu: N.26.369

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Số 177 đường 30 tháng 4, xã Đạ Tẻh (Nhà máy nước Đạ Tẻh - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,93
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	< LOQ LOQ = 3,33
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,85

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,25
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,61

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 443 / 2026

Mã số mẫu: N.26.370

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Nhà khách xã Đạ Tẻh (Nhà máy nước Đạ Tẻh - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,77
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	< LOQ LOQ = 3,33
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,16
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,52

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐẶNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 444 / 2026

Mã số mẫu: N.26.371

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Bể nước sạch Trạm xử lý (Nhà máy nước Madaguôi - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,80
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	6,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	4,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	KPH LOD = 0,01
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,84

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA AOSC VLAT 1.1208 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 445 / 2026

Mã số mẫu: N.26.372

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Trạm y tế xã Đạ Huoai (Nhà máy nước Madaguôi - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,78
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	7,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	8,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	KPH LOD = 0,01
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,46

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 446/ 2026

Mã số mẫu: N.26.373

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **59 Phạm Ngọc Thạch, xã Đạ Huoai (Nhà máy nước Madaguôi - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,75
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	7,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	8,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,87
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	KPH LOD = 0,01
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,42

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 447 / 2026

Mã số mẫu: N.26.374

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Bể nước sạch Trạm xử lý (Nhà máy nước Đạm Ri - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng).**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,73
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	KPH LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	< LOQ LOQ = 3,33
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,05
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,57

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 448 / 2026

Mã số mẫu: N.26.375

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **445 Lê Lợi, xã Đạ Huoai 2 (Nhà máy nước Đạm Ri - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,70
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	4,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,82

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,06
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,60

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 449 / 2026
Mã số mẫu: N.26.376

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**
Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026
Địa điểm lấy mẫu: **137 Lê Lợi, xã Đạ Huoai 2 (Nhà máy nước Đạm Ri - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**
Tên mẫu: Nước sạch
Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.
Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,70
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	4,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,10
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,35

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

AOSC VLAT 1.1208 ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 450 / 2026

Mã số mẫu: N.26.377

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Trạm cấp nước số 8 (Nhà máy nước Bảo Lâm - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,72
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	58,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,20
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	133,50
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,85

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 454/2026

Mã số mẫu: N.26.378

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, xã Bảo Lâm 1 (Nhà máy nước Bảo Lâm - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	8,34
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	· mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	72,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,86

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,12
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	123,0
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,66

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 452 / 2026

Mã số mẫu: N.26.379

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Số 7 Nguyễn Bỉnh Khiêm, xã Bảo Lâm 1 (Nhà máy nước Bảo Lâm - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,87
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	84,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	KPH LOD = 0,01
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	122,0
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,62

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 453 / 2026
Mã số mẫu: N.26.380

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**
Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026
Địa điểm lấy mẫu: **Bể chứa nước sạch Trạm xử lý (Nhà máy nước Đan Kia - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**
Tên mẫu: Nước sạch
Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.
Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,56
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOD =0,5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	16,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,4
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,82

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,07
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,22
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,68

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 454 / 2026

Mã số mẫu: N.26.381

Tên đơn vị gửi mẫu: KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: 37 Huyền Trân Công Chúa, phường Cam Ly – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,78
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	5,0
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	10,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,45
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,30

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 455 / 2026
Mã số mẫu: N.26.382

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**
Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026
Địa điểm lấy mẫu: **24 Ngô Thì Sỹ, phường Xuân Hương – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**
Tên mẫu: Nước sạch
Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.
Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,59
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	6,0
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	11,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,32
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,48

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 456 / 2026

Mã số mẫu: N.26.383

Tên đơn vị gửi mẫu: KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: 42C Hà Huy Tập, phường Xuân Hương – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	6,93
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	6,0
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	20,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,85

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,28
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,51

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHƯƠNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 457 / 2026

Mã số mẫu: N.26.384

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Bể chứa nước sạch Trạm xử lý (Nhà máy nước Hồ Than Thở - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,25
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	5,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	12,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,09
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,28
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,51

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHẠM XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 458 / 2026

Mã số mẫu: N.26.385

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Liên đoàn Lao động tỉnh Lâm Đồng, phường Xuân Hương – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,27
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	6,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	16,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,82
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
					LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,08
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,46
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,70

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ILAC-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 459 / 2026

Mã số mẫu: N.26.386

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Đảng Ủy Hội đồng Nhân dân phường Xuân Trường – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,08
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	11,50
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	20,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,82

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,33
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,61

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHẠM XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 460 / 2026

Mã số mẫu: N.26.387

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Bể chứa nước sạch Trạm xử lý (Nhà máy nước Đa Thiện - Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,21
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	7,0
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	< LOQ LOQ = 3,33
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,60
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,83
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,11
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,08
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,68

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**) .
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

ilac-MRA
AOSC
VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 461 / 2026

Mã số mẫu: N.26.388

Tên đơn vị gửi mẫu: KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: Số 164 Nguyên Tử Lực, phường Lâm Viên – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,08
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	8,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	< LOQ LOQ = 0,40
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,85

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	0,08
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,05
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,83

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

VLAT 1.1208
ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 462 / 2026

Mã số mẫu: N.26.389

Tên đơn vị gửi mẫu: **KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – Y TẾ TRƯỜNG HỌC – BỆNH NGHỀ NGHIỆP**

Địa chỉ: Số 54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 05 / 11 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **Số 40 Mai Anh Đào, phường Lâm Viên – Đà Lạt (Công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng)**

Tên mẫu: Nước sạch

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng đựng trong can nhựa và chai thủy tinh kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 05 / 11 / 2026 đến ngày 13 / 11 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Coliform tổng số (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 3*	0
2	*E.coli* (*)	TCVN 6187 – 1:2019	CFU/100ml	*< 1*	0
3	*Staphylococcus aureus* (*)	SMEWW 9213 B : 2023	CFU/100ml	*< 1*	0
4	*Pseudomonas aeruginosa* (*)	TCVN 8881:2011	CFU/100ml	*< 1*	0
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	/	*6,0-8,5*	7,18
6	Hàm lượng Clorua (*)	SMEWW 4500 - Cl^- B	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 5
7	Độ cứng tổng cộng (*)	SMEWW 2340C:2023	$mgCaCO_3/L$	*300*	6,0
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mgO_2/L	*2*	0,70
9	Màu sắc	SMEWW 2120 C: 2023	TCU	*15*	KPH LOD = 1,06
10	Độ đục	SMEWW 2130 B:2023	NTU	*2*	0,84
11	Hàm lượng Sulfat	EPA.375.4	mg/L	*250*	< LOQ LOQ = 10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
12	Hàm lượng Amoni	HD.H 03N.31	$N\text{-}NH_4^+$ mg/L	*0,3*	< LOQ LOQ = 0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng cộng (*)	SMEWW 3500 Fe B: 2023	mg/L	*0,3*	KPH LOD = 0,03
14	Hàm lượng Nitrit (tính theo N) (*)	SMEWW 4500 NO_2^- B: 2023	$N\text{-}NO_2$ mg/L	*0,05*	KPH LOD = 0,008
15	Hàm lượng Nitrat (tính theo N)	TCVN 6180:1996	$N\text{-}NO_3$ mg/L	*2*	0,21
16	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540C: 2023	mg/L	*1000*	< LOQ LOQ = 100
17	Mùi vị	SMEWW 2150B: 2023 SMEWW 2160B: 2023	/	*Không mùi, vị*	Không phát hiện mùi không phát hiện vị
18	Hàm lượng Clo dư tự do	HD.N 03.05	mg/L	*0,2 - 1*	0,42

Kết luận:

Mẫu nước trên có các chỉ tiêu thử nghiệm không vượt giới hạn cho phép theo QCĐP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023.

Ghi chú: *- KPH: KPH;*
- LOQ: Giới hạn định lượng;
- LOD: Giới hạn phát hiện;

Ngày 16 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Nguyễn Tấn Vũ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÙNG XUÂN BÁCH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.